

MÁY KÉO NEO

ANCHOR WINDLASS

Số TT	Tên sản phẩm, Qui cách	Kiểu	Thông số kỹ thuật	Nhà máy chế tạo, địa chỉ	Số GCN	Ngày cấp
No	Description	Model	Technical Specification	Manufacturer, Address	Certificate No	Date of Issue
1	Máy kéo neo điện		P = 04 Tấn ; $\Phi_{\text{cáp}} = 30\text{mm}$ Tỷ số truyền $i = 120$. Tốc độ $v = 12 \text{ m/p}$ Động cơ: SMH - 200 - M6A(Đức) N= 35, 32, 26KW n= 960,965,970v/p	Nhà máy đóng tàu Bến kiên TP. Hải Phòng	0359/CN96	13.06.96
2	Máy kéo neo điện		$\Phi_{\text{xích}} = 25 \text{ mm}$ Tỷ số truyền $i=122,5$ Tốc độ $v=11,5\text{m/p}$ Động cơ: UM 160M 6/4(Đức) N = 4/6 KW; n = 960,1420 v/p	Nhà máy đóng tàu Bến kiên TP. Hải Phòng	0280/CN97	22.05.97
3	Máy kéo neo điện	TN - 75	Trọng lượng neo: 75 Kg $\Phi_{\text{xích}}: 11 \text{ mm}$ Tỷ số truyền $i=60$ Tốc độ kéo xích: 10,65 m/p Động cơ: 1,5KW vòng quay:1450v/p	Xí nghiệp chế thử thực nghiệm Viện KHCN Tàu thủy Số 80B Trần Hưng Đạo, TP. Hà Nội	0090/CN99	10.05.99
4	Máy kéo neo điện	TN - 135	Trọng lượng neo: 135 Kg $\Phi_{\text{xích}}: 16 \text{ mm}$ Tỷ số truyền $i=40$ Tốc độ kéo xích: 10,7 m/p Động cơ: 2,2KW vòng quay 1410v/p	Xí nghiệp chế thử thực nghiệm Viện KHCN Tàu thủy Số 80B Trần Hưng Đạo, TP. Hà Nội	0143/CN99	29.06.99

Số TT	Tên sản phẩm, Qui cách	Kiểu	Thông số kỹ thuật	Nhà máy chế tạo, địa chỉ	Số GCN	Ngày cấp
<i>No</i>	<i>Description</i>	<i>Model</i>	<i>Technical Specification</i>	<i>Manufacturer, Address</i>	<i>Certificate No</i>	<i>Date of Issue</i>
5	Tời kéo 12 T	Kéo phao luồng và phao rùa	Lực kéo 12,5 T Tốc độ cáp 4,9 m/ph Công suất 6,2 KW	Viện Nghiên cứu cơ khí - Bộ Công nghiệp Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội.	104/03CN08	09.01.04
6	Móc kéo 12,5 T	Dùng cho tàu kéo	Lực kéo 12,5 T	Xí nghiệp Chế thử thực nghiệm. 213 Nguyễn Khang, Cầu Giấy, Hà Nội	201/03CN03	25.12.03
7	Tời kéo thủy lực 24 Tấn	Kéo phao luồng và phao rùa	Lực kéo 24T Tốc độ cáp 4 m/ph Công suất 30 Kw Thiết bị thủy lực nhập khẩu	Viện nghiên cứu cơ khí - Bộ Công nghiệp Đường Phạm Văn Đồng - Cầu Giấy - Hà Nội	180/03CN03	18.05.04